

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Thu Thủy và bà Lê Thị Thu Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoàn Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 276/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-10-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18-11-2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Mai Huỳnh Tuyết N, sinh năm: 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 38 đường Phạm Ngọc Th, khu phố K, thị trấn Khánh H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 29/47 đường Trường C, khu phố 4, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Huỳnh Tuyết N trình bày:

Bà Mai Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Tấn H chung sống với nhau không có cưới hỏi nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 01-9-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà riêng ở số 38 đường Phạm Ngọc Th, khu phố K, thị trấn Khánh H, huyện N. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do ông H rượu chè, say

xin vào thì mắng chửi, đánh đập vợ con. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Cuối năm 2019, ông H đã chuyển về nhà cha ruột sống tại số 29/47 đường Trường C, khu phố 4, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cho đến nay. Từ lúc không còn chung sống đến nay bà và ông H lâu lâu vẫn gặp nhau nhưng ông H không có ý định hàn gắn và cũng không chịu tới Tòa để giải quyết ly hôn. Bà đã không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 16-11-2005; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20-7-2010; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08-10-2013; Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 01-9-2015. Nếu được ly hôn bà yêu cầu được nuôi 04 con chung và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Từ cuối năm 2019 đến nay, ông H đã không chu cấp gì cho bà nuôi con, một mình bà tự xoay sở, lo làm ăn để nuôi các cháu. Bà hiện đang buôn bán, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng và đang cũng có sự hỗ trợ của các anh chị em của bà nên cũng đủ khả năng nuôi các con. Cháu Q đã nghỉ học và có đi làm thêm, cũng có hỗ trợ, phụ giúp cho bà để nuôi các em.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Tấn H quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Mai Huỳnh Tuyết N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Tấn H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường V, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Tấn H đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông Nguyễn Tấn H đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Mai Huỳnh Tuyết N và ông Nguyễn Tấn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14 ngày 01-9-2011. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân:

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Từ năm 2019 đến nay bà N và ông H không còn chung sống với nhau, mỗi người sống một nhà riêng và cũng không còn liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình trạng mâu thuẫn của bà N và ông H phù hợp với biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P.

Ông H biết việc bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông H không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 16-11-2005; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20-7-2010; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08-10-2013; Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 01-9-2015. Bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi 04 con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả 04 cháu từ trước đến nay đều sống với bà N; các cháu Q, H, L đều có nguyện vọng được sống với mẹ; cháu Ch là con gái, lại còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Bà N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có khả năng để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao 04 cháu Nguyễn Thị Mỹ Q, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Mỹ Ch cho bà Mai Huỳnh Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tấn H không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có

yêu cầu.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Mai Huỳnh Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao cho bà Mai Huỳnh Tuyết N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 16-11-2005; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 20-7-2010; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08-10-2013; Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh ngày 01-9-2015. Ông Nguyễn Tấn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Mai Huỳnh Tuyết N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Mai Huỳnh Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0025696 ngày 05-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Mai Huỳnh Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND TT. Khánh Hải, huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Thùy Vân**